**b¸o c¸o th­êng niªn**

**n¨m 2014**

1. **LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**
2. ***Thông tin khái quát***

**-** Tên giao dịch **:***Công ty cổ phần Viglacera Đông Anh*

**-**Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : *0101412313*

**-**Vốn điều lệ : 10.049.740.000, đồng

**-** Vốn đầu tư của chủ sở hữu :

**+** Tổng Công ty Viglacera : 5.125.500.000, đồng - tỷ lệ 51%

**+** Vốn góp của đối tượng khác : 4.924.240.000, đồng - tỷ lệ 49%

- Địa chỉ : Tổ 35 thị trấn Đông Anh – Hà Nội

- Số điện thoại : 043 8832 400 Số Fax : 043 8835 465

- Địa chỉ website :Viglaceradonganh.com

- Mã cổ phiếu : DAC

***2. Quá trình hình thành và phát triển***

-C«ng ty thµnh lËp th¸ng 8/1958, tiÒn th©n lµ XÝ nghiÖp G¹ch ngãi 382 §«ng Anh, lµ mét ®¬n vÞ thuéc Tæng côc hËu cÇn – Bé Quèc phßng.

-N¨m 1959 XÝ nghiÖp G¹ch ngãi 382 §«ng Anh chuyÓn vÒ Bé X©y dùng thuéc Liªn hiÖp c¸c xÝ nghiÖp G¹ch ngãi sµnh sø x©y dùng – Bé X©y dùng.

- N¨m 1995, XÝ nghiÖp G¹ch ngãi 382 §«ng Anh ®æi tªn thµnh C«ng ty Gèm x©y dùng 382 §«ng Anh trùc thuéc Tæng c«ng ty Thuû tinh vµ Gèm x©y dùng (QuyÕt ®Þnh sè 74/BXD-TCL§ ngµy 18 th¸ng 02 n¨m 1995 cña Bé tr­ëng Bé X©y Dùng).

- N¨m 2001, C«ng ty Gèm x©y dùng 382 §«ng Anh ®­îc s¸p nhËp vµo C«ng ty Gèm x©y dùng Tõ S¬n - lµ ®¬n vÞ trùc thuéc C«ng ty Gèm x©y dùng Tõ S¬n, h¹ch to¸n kinh tÕ phô thuéc.

- Tõ khi míi thµnh lËp, XÝ nghiÖp s¶n xuÊt víi quy m« nhá, c«ng nghÖ s¶n xuÊt g¹ch ngãi thñ c«ng l¹c hËu, n¨ng suÊt thÊp, s¶n l­îng ®¹t 3 ÷ 4 tr.viªn/n¨m. N¨m 1969 ®Çu t­ më réng xÝ nghiÖp víi c«ng nghÖ nung lß vßng t¹o h×nh b»ng m¸y EG5 vµ hÖ t¹o h×nh TiÖp Kh¾c, ph¬i tù nhiªn ngoµi trêi dïng phªn nøa che ®Ëy, s¶n l­îng ®­îc n©ng lªn 9 ÷ 10 tr.viªn/n¨m. Tõ n¨m 1993 ®Õn 1995, Nhµ m¸y ®Çu t­ chiÒu s©u ®æi míi c«ng nghÖ s¶n xuÊt, ®Õn nay ®· hoµn thiÖn víi thiÕt bÞ s¶n xuÊt ®ång bé, c«ng nghÖ lß sÊy nung tuynel liªn hîp, t¹o h×nh g¹ch méc b»ng m¸y ®ïn Ðp cã hót ch©n kh«ng cña Italia, hÖ thèng nhµ ph¬i kÝnh, c«ng suÊt thiÕt kÕ ban ®Çu cña Nhµ m¸y lµ: 40 tr.viªn/n¨m.

-Năm 2003, Nhà máy Gốm xây dựng Đông Anh được tách ra khỏi Công ty Gốm xây dựng Từ Sơn để cổ phần hoá theo Quyết định số 1207/QĐ-BXD ngày 09/9/2003 của Bộ trưởng Bộ xây dựng, đổi tên thành Công ty cổ phần gốm xây dựng Đông Anh ( viết tắt là DAC) và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình cổ phần hoá từ ngày 01/10/2003 với vốn điều lệ 7,5 tỷ đồng;

Công ty đã chính thức niêm yết 750.000 cổ phiếu trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 20/9/2006 theo Quyết định số 16/Q§-TTGDHN ngµy 12/9/2006 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Viglacera Đông Anh từ tháng 2/2007.

Công ty đã niêm yết bổ sung lần 1: 254.974 cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 10/3/2009 theo công văn số 264/TB-TTLK ngày 06/3/2009 của

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về việc lưu ký chứng khoán đăng ký bổ sung cổ phiếu DAC của Công ty cổ phần Viglacera Đông Anh.

***3. Ngành nghề kinh doanh***

+ Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng đất sét nung và các loại VLXD khác,

+ Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí.

+ Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.

+ Chuyển giao công nghệ kỹ thuật sản xuất vật liệu xây dựng, gạch ngói đất sét nung.

+ Kinh doanh vận tải.

+ Kinh doanh và đầu tư bất động sản.

+ Kinh doanh dịch vụ Du lịch lữ hành nội địa, quốc tế.

+ Khai thác và chế biến nguyên nhiên vật liệu sản xuất VLXD

Hiện tại, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng đất sét nung; Chuyển giao công nghệ kỹ thuật sản xuất vật liệu xây dựng, gạch ngói đất sét nung. Tuy nhien , trong dài hạn, Công ty đã xây dựng một chiến lược kinh doanh đa ngành nghề. Theo đó, một mặt, Công ty không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng bằng việc đầu tư phát triển theo chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hoá sản phẩm để đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu thị trường.

Công ty tiếp tục đầu tư để tham gia các lĩnh vực kinh doanh khác trong thời gian tới. Cụ thể là, Công ty không ngừng nâng cao năng lực trong lĩnh vực c¬ khÝ, xây lắp, kinh doanh thương mại và dịch vụ …

**II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

Công ty cổ phần Viglacera §«ng Anh tổ chức theo mô hình: Người thừa hành mệnh lệnh chỉ nhận mệnh lệnh qua một cấp trên trực tiếp. Người lãnh đạo thực hiện tất cả các chức năng quản trị, trực tiếp điều hành và chịu trách nhiệm mọi mặt của đơn vị mình. Các bộ phận trong Công ty (phòng, Ph©n x­ëng) có sự trao đổi, phối hợp để thực hiện nhiệm vụ, chức năng của mình đạt hiệu quả nhất

**C¬ cÊu tæ chøc cña C«ng ty**

Ban

kiÓm

so¸t

§¹i héi ®ång cæ ®«ng

Héi ®ång qu¶n trÞ

Gi¸m ®èc ®iÒu hµnh

Phụ trách sản xuất

KÕ to¸n tr­ëng

P. kinh doanh

Ph©n x­ëng s¶n xuÊt

Bé phËn Marketting

Phßng KH§T

Phßng TCHC

Phßng

kÕ to¸n

**Tình hình lao động tại Công ty đến 28/02/2014**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Stt | Trình độ | Số lượng lao động (người) |
| 1 | Trình độ Đại học và trên Đại học | 16 |
| 2 | Trình độ Cao đẳng, trung cấp | 6 |
| 3 | Công nhân kỹ thuật | 33 |
| 4 | Công nhân c«ng nghÖ | 162 |
| 5 | Phục vụ | 34 |
|  | Tổng số | 251 |

###### **1. TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**1.1. Họ và tên : Nguyễn Quý Tuấn**

Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 07 /08/1965

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Phường Đại mỗ, Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư vật liệu xây dựng

**1.2. Họ và tên : Hoµng Kim Bång**

Chức vụ : Ủy viên HĐQT

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 06/3/1961

Nơi sinh : Nguyên Lý, Lý Nhân, Hà Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Sè 112 VÜnh Phóc 2, Cèng VÞ, Ba §×nh, Hµ Néi

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh

**1.3. Họ và tên : Đỗ Hữu Thuyết**

Chức vụ : Ủy viên HĐQT, Giám đốc

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 11/5/1970

Nơi sinh : Văn Lân, Hưng Yên

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Tæ 35, ThÞ trÊn §«ng Anh, TP. Hµ Néi

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí

**1.4. Họ và tên : Vũ Thị Bích Phượng**

Chức vụ : Ủy viên HĐQT - Kế toán trưởng Công ty

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 12/6/1974

Nơi sinh : Đông Anh , Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Tổ 44 Thị trấn Đông Anh Hà Nội.

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

\* Số thành viên độc lập không điều hành : 02 người ( Ông : Nguyễn Quý Tuấn và Ông Hoàng Kim Bồng ) **-** Ông Đặng Huy Ngọc miễn nhiệm ngày 08/5/2014

###### **2. TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC**

* 1. **Họ và tên : Đỗ Hữu Thuyết**

(Xem phần Hội đồng quản trị)

###### **3. TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

* 1. **Họ và tên :** Trần Thị Minh Loan

Chức vụ : Trưởng Ban kiểm soát Công ty - Phó giám đốc Ban tài chính đầu tư Tổng công ty Viglacera

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 26/9/1979

Nơi sinh : Mê Linh - Vĩnh Phúc

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Phố Vĩnh phúc Ba Đình - Hà Nội

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế

* 1. **Họ và tên : V­¬ng V¨n CÈn**

Chức vụ : Uû viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần Viglacera §«ng Anh

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 28/5/1958

Nơi sinh : Uy Nç, §«ng Anh, TP. Hµ Néi

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Uy Nç, §«ng Anh, TP. Hµ Néi

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Trung cÊp VLXD

* 1. **Họ và tên : D­¬ng V¨n TuyÕn**

Chức vụ : Uû viên Ban kiểm soát

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 04/09/1966

Nơi sinh : Tiªn D­îc, Sãc S¬n, TP. Hµ Néi

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Tiên Dược, Sóc Sơn, TP. Hµ Néi

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

\* Số thành viên độc lập không điều hành : 02 người ( Bà Trần Thị Minh Loan; Ông Dương Văn Tuyến)

**III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Trong năm 2014, năm thứ hai của nhiệm kỳ 2013 – 2018, Hội đồng quản trị đã tập trung vào các nhiệm vụ cụ thể như sau:

* Chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuât kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã giao cho.
* Chỉ đạo triển khai kế hoạch hàng quý và biện pháp thực hiện nhằm đảm bảo thực hiện tốt Nghị quyết của Đại gội đồng cổ đông
* Chỉ đạo quản lý các nguyên nhiên vật liệu đầu vào như đất, than ; chỉ đạo nghiên cứu đốt các loại nguyên nhiên liệu có giá thành rẻ nhằm hạ giá thành sản phẩm
* Chỉ đạo chính sách bán hàng cho phù hợp với thị trường nhằm tiêu thụ bớt hàng tồn kho
* Chỉ đạo Giám đốc kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý của Công ty nhằm phục vụ tốt nhất việc điều hành thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Công ty
* Chọn lựa đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC kiếm toán báo cáo tài chính năm 2014
* Chỉ đạo và phê duyệt bộ kế hoạch và định mức kinh tế kỹ thuật năm 2014 của Công ty

**\* Đánh giá chung**

Năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty cơ bản đã hoàn thành nhiệm vụ do Đại hồi đồng cổ đông tín nhiệm giao phó. Có được kết quản này trước hết là sự đồng tâm hợp lực và trí tuệ của từng thành viên trong Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban Giám đốc và toàn thể người lao động trong Công ty

Tuy nhiên, ngành gạch ngói năm 2014 vẫn chứ có hiệu quả do điều kiện nội lực Công ty còn hạn chế cộng thêm những tác động khách quan của xã hội từ đó làm giảm đi hiệu quả chung toàn Công ty.

**KÕt qu¶ thùc hiÖn c¸c chØ tiªu chÝnh n¨m 2014 nh­ sau :**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2014 | Thực hiện năm 2013 | % thực hiện so với KH năm 2013 |
|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | Tr đồng | 700 | 655 | 93,6% |
| 2 | Doanh thu | Tr đồng | 46.000 | 41.591 | 90,4% |
| 3 | Khấu hao | Tr đồng | 2.965 | 2.997 | 101 % |
| 4 | Tồn kho thành phẩm | Tr đồng | 2.828 | 5.830 | 206 % |
| 5 | Thu nhập bình quân | Đồng | 4.587.000 | 4.754.000 | 103 % |
| 6 | Công nợ phải thu | Tr đông | 2.260 | 3.753.000 | 166 % |

**2. Tình hình tài chính năm 2014**

Tình hình tài chính của Công ty không trong năm 2014. Điều đó được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

*ĐVT: Đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **01/01/2014** | **31/12/2014** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng tài sản | 39.436.190.844 | 41.857.051.367 |  |
| 2 | Nguồn vốn CSH | 16.481.096.625 | 17.136.858.609 |  |
| 3 | Vay và nợ | 22.955.094.219 | 24.720.192.758 |  |
|  | - Vay và nợ ngắn hạn | 22.761.760.877 | 24.597.117.758 |  |
|  | - Vay và nợ dài hạn | 193.333.342 | 123.075.000 |  |

**IV. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**1. Tình hình tài chính**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Năm 2013** | **Năm 2014** |
| **1. Khả năng thanh toán** |  |  |  |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn | lần | 0,55 | 0,55 |
| - Hệ số thanh toán nhanh | lần | 0,18 | 0,14 |
| **2. Cơ cấu vốn** |  |  |  |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản | lần | 0,56 | 0,59 |
| - Hệ số Nợ/Nguồn vốn chủ sở hữu | lần | 1,29 | 1,44 |
| **3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động** |  |  |  |
| - Vòng quay hàng tồn kho | lần | 3,00 | 3,48 |
| **4. Khả năng sinh lời** |  |  |  |
| - Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần | % | -5,43 | 1,57 |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | -0,12 | 3,83 |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | -4,878 | 1,57 |

**2. Kết quả hoạt động kinh doanh**

Trách nhiệm của Ban Giám đốc: Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hoạt động, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm . Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

* Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
* Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
* Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
* Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
* Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
* Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán

**3. Kế hoạch năm 2014**

***3.1 Về chất lượng sản phẩm :***

- Áp dụng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn nội bộ do Tổng công ty Viglacera ban hành đối với các sản phẩm của công ty .

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng các công đoạn sản xuất và chất lượng sản phẩm cuối cùng thông qua hoạt động của trưởng ban chất lượng và Ban nghiệm thu chất lượng.

- Phối hợp với viện NCPT Viglacera đánh giá định kỳ chất lượng sản phẩm hàng tuần và có giải pháp xử lý khắc phục kịp thời.

***3.2 Kiểm soát và tiết giảm chi phí :***

- Kiểm soát chặt chẽ giá, chất lượng và quy trình nhập xuất vật tư, nhập xuất thành phẩm.

- Thử nghiệm các mẫu nguyên liệu và đàm phán giảm giá nguyên liệu với nhà cung cấp, giảm chi phí nguyên liệu chính; giảm tiêu hao than, sử dụng than đảm bảo chất lượng, tiết giảm chi phí nhiên liệu; tiếp tục rà soát , sắp xếp lại lao động để tăng năng suất lao động.

- Thực hiện việc khoán chi phí sản xuất tới các bộ phận, rà soát hàng tháng, quy trách nhiệm cụ thể tới từng cá nhân, từng bộ phận đối với các chỉ tiêu sản lượng, chất lượng, thu hồi, hiệu quả.

- Thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, thực hiện đạt mục tiêu kế hoạch giá thành công xưởng.

***3.3 Công tác dự trữ nguyên liệu***

- Công ty thực hiện việc tìm kiếm nhà cung cấp có nguồn cấp đủ số lượng cho sản xuất trong năm 2014, chất lượng và giá cả đầu vào hợp lý để giảm chi phí nguyên liệu.

- Bố trí lại kho bãi , tập kết dự trữ nguồn nguyên liệu đất sét tại kho Công ty và kho nhà cung cấp đảm bảo mức dự trữ tối thiểu cho sản xuất ổn định

***3.4 Công tác khoa học công nghệ***

- Tập trung nghiên cứu lập phương án rà soát tìm bài phối liệu hợp lý và điều chỉnh lại khuôn đảm bảo chất lượng, tỷ lệ thu hồi, mầu sắc và kích thước của sản phẩm nem 300, ngói 22.

- Nghiên cứu thử nghiệm khối xếp tăng cơ cấu ngói, giảm tỷ lệ gạch xây.

- Thắt chặt quản lý công nghệ hơn nữa nhằm tăng tỷ lệ thu hồi.

***3.5 Phối hợp công tác kinh doanh***

- Thực hiện đẩy mạnh tối đa sản lượng bán, hướng tời mục tiêu kế hoạch năm. Trên cơ sở bám sát cơ cấu sản xuất và bán lượng tồn kho để giải phóng mặt bằng bãi thành phẩm.

- Đánh giá thực hiện hợp đồng theo từng tháng, quý đối với bộ phận Kinh doanh chi tiết theo sản phẩm, doanh thu, tiến độ dòng tiền, thu nợ để đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Bộ phận kinh doanh đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trên cơ sở kế hoạch khoán chi phí xăng xe, chi phí chăm sóc khách hàng và công tác phí theo đúng quy định của Công ty.

- Tiếp tục tuyển dụng bổ sung nhân viên tiêu thụ có năng lực đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

- Tổ chức bán hàng, mở rộng thị trường (đặc biệt là thị trường dòng sản phẩm ngói 22), bán hàng qua đại lý, nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng.

***3.6 Công tác khác***

- Nghiên cứu sản xuất sản phẩm : Gạch xây không trát, gạch lá dừa, gạch hoa trang trí, gạch thông gió trang trí và các sản phẩm có lãi khác để thay thế gạch xây 2 lỗ truyền thống.

- Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo cán bộ quản lý, nâng cao nghiệp vụ, đào tạo lại công nhân kỹ thuật.

- Phát huy vai trò của Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân trong việc kiểm soát hoạt động SXKD.

Số : /2015/BC.KTTC-AASC.KT5

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Viglacera Đông Anh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Viglacera Đông Anh được lập ngày 15 tháng 01 năm 2014, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viglacera Đông Anh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Tại ngày 31/12/2014, Trên Bảng cân đối kế toán của Công ty đang phản ánh tổng nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 8.394 triệu đồng; Lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2014 là 7.269 triệu đồng. Việc thiếu hụt vốn lưu động và mất cân đối nguồn vốn như trên có ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai gần.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Kiểm toán viên đã phát hành Báo cáo kiểm toán số 152//2014/BC.KTTC-AASC.KT5 ngày 03/03/2014 về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Viglacera Đông Anh, trong đó nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ về các vấn đề liên quan đến việc trích khấu hao tài sản cố định vô hình và ghi nhận giảm chi phí thuê đất năm 2011 và 2012 vào thu nhập khác. Như đã trình bày tại thuyết minh số 29 – Thông tin khác, Công ty đã điều chỉnh các vấn đề này trên Báo cáo tài chính năm nay và điều chỉnh hồi tố cho các Báo cáo tài chính năm trước.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC** |  |  |
| **Cát Thị Hà**  Phó Tổng Giám đốc  Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  số: 0725-2013-002-1 |  | **Hoàng Thúy Nga**  Kiểm toán viên  Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  số: 0762-2013-002-1 |
| *Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2015* |  |  |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014***



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014***

***(tiếp theo)***

**

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014***



|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

***Năm 2014***

## 

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

***Năm 2014***

***(Theo phương pháp gián tiếp)***



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

***Năm 2014***

***(Theo phương pháp gián tiếp)***

*(tiếp theo)*

**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

***Năm 2014***

* 1. **THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viglacera Đông Anh được thành lập theo Quyết định số 1207/QĐ - BXD ngày 09 tháng 09 năm 2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Nhà máy Viglacera Đông Anh - Công ty Gốm xây dựng Từ Sơn thuộc Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng (nay là Tổng Công ty Viglacera) thành Công ty Cổ phần Viglacera Đông Anh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ 35, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 10.049.740.000 đồng (Mười tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi ngàn đồng), tương đương 1.004.974 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

**Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103002960 ngày 01 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 05 năm 2014, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

* Khai thác và chế biến nguyên, nhiên liệu sản xuất vật liệu xây dựng (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan thẩm quyền cho phép);
* Du lịch dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế;
* Kinh doanh và đầu tư Bất động sản;
* Kinh doanh vận tải;
* Chuyển giao công nghệ kỹ thuật sản xuất vật liệu xây dựng gạch ngói đất sét nung;
* Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng;
* Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí;
* Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng đất sét nung và các loại vật liệu xây dựng khác.
  1. **CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

*Khả năng hoạt động liên tục*

Tại ngày 31/12/2014, Trên Bảng cân đối kế toán của Công ty đang phản ánh tổng nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 8.394 triệu đồng, lỗ lũy kế là 7.269 triệu đồng, chiếm 42% nguồn vốn chủ sở hữu hiện có của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá được triển vọng tăng trưởng doanh thu và việc Công ty có thể gia hạn thêm các khoản vay ngắn hạn tới hạn trả trong thời gian tới. Ngoài ra, Công ty là Công ty con của Tổng Công ty Viglacera nên vẫn duy trì được sự hỗ trợ về tài chính, nguồn lực, công nghệ… từ Tổng Công ty và các bên liên quan. Do đó, Ban Giám đốc cho rằng tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty trong thời gian tới có nhiều chuyển biến, Công ty sẽ đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đủ vốn đầu tư để hoàn thành kế hoạch đầu tư dự kiến. Vì vậy, Báo cáo tài chính này vẫn được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục, chưa có bất kỳ sự điều chỉnh nào do ảnh hưởng của các yếu tố nói trên.

2.3. Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| * Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| * Máy móc, thiết bị | 08 - 10 năm |
| * Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 năm |
| * Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| * Giá trị lợi thế kinh doanh | 10 năm |

Trong năm, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao đối với Giá trị lợi thế kinh doanh từ 20 năm xuống 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 (Xem thêm tại thuyết minh số 29).

**2.8. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

* Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền";
* Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
* Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**2.9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**2.10. Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và đuợc tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.11. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.12. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**2.14. Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

* Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
* Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
* Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
* Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
* Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

* Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
* Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
* Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
* Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

* Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
* Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.15. Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

* Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
* Chi phí cho vay và đi vay vốn;
* Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
* Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.16. Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm.

**2.17. Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó

Toàn bộ các khoản tiền gửi tại ngân hàng của Công ty đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn.

[\*] Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Đông Anh với lãi suất: 5%/năm.

****

 - Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.937.664.385 VND;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 22.193.116.174 VND;

******

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

[1] Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/153892/HĐTD ngày 03/09/2014 giữa Công ty Cổ phần Viglacera Đông Anh và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức vay: 10.000.000.000 VND;

- Thời hạn cấp hạn mức: Kể từ ngày kí hợp đồng hạn mức tín dụng này đến hết 31/07/2015;

- Thời hạn vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Lãi suất vay: Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ;

- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp, cầm cố tài sản của Bên vay đã và sẽ phát sinh trong tương lai; Thế chấp bằng các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác, trong đó Bên vay là người thụ hưởng; Bảo lãnh của Bên thứ ba; Toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác;

- Số dư của Hợp đồng tín dụng nêu trên tại thời điểm 31/12/2014 là: 8.159.187.166 VND.

****Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**** Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn :

[1] Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD-NHCTĐA ngày 07/06/2011 giữa ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh và Công ty Cổ phần Viglacera Đông Anh với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 6.000.000.000 VND;

- Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên;

- Thời hạn rút vốn vay: 06 tháng;

- Thời hạn ân hạn: 03 tháng;

- Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư hầm sấy sơ cấp;

- Lãi suất: Bằng tổng lãi suất cơ sở là lãi suất huy động vốn thực tế trả lãi sau trên thị trường kỳ hạn 12 tháng được niêm yết và biên độ tối thiểu 4,5%/năm;

- Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị, hầm sấy, nhà xưởng của dự án. Tổng giá trị tài sản đảm bảo tạm tính là: 10.000.000.000 VND;

- Số dư của hợp đồng tín dụng nêu trên tại thời điểm 31/12/2014: 193.333.342 VND. Trong đó Nợ dài hạn đến hạn trả là: 193.333.342 VND.

[2] Hợp đồng tín dụng số 3140 - LAV - 201403629/HĐTD ngày 24/06/2014 giữa ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh – Phòng giao dịch Vân Trì và Công ty Cổ phần Viglacera Đông Anh với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 200.000.000 VND;

- Thời hạn vay: 40 tháng kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu;

- Mục đích sử dụng tiền vay: Mua xe nâng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Lãi suất: Mức lãi suất 11%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cùng loại;

- Trả nợ gốc 3 tháng/lần theo phụ lục kế hoạch trả nợ

- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp;

- Số dư của hợp đồng tín dụng nêu trên tại thời điểm 31/12/2014: 184.615.000 VND. Trong đó Nợ dài hạn đến hạn trả là: 61.540.000 VND.

****

****



****

****

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

******

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:



Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**28. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ tập trung vào hoạt động sản xuất và bán sản phẩm gạch, ngói đồng thời chỉ thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo Lĩnh vực kinh doanh và theo Khu vực địa lý.

**29. THÔNG TIN KHÁC**

Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao đối với tài sản cố định là Giá trị lợi thế kinh doanh từ 20 năm xuống 10 năm theo hướng dẫn của Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 và được điều chỉnh hồi tố cho các năm trước. Theo đó, Giá trị khấu hao đối với lợi thế kinh doanh tới thời điểm 01/01/2013 được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là: 735,7 triệu đồng. Chi phí khấu hao năm 2013 được ghi nhận bổ sung là: 514,3 triệu đồng. Điều này dẫn đến Khoản mục “Hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình” (Mã số 229) trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2014 thay đổi tăng 1.250 triệu đồng, chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 thay đổi giảm 514,3 triệu đồng.

Chi phí thuê đất tại trụ sở Công ty năm 2011 và 2012 là 2.354 triệu đồng. Đến năm 2013, căn cứ theo Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất trong năm 2011 và 2012 đối với một số tổ chức kinh tế, Công ty đã ghi nhận giảm chi phí thuê đất các năm (bằng 2 lần chi phí thuê đất năm 2010) nêu trên vào Thu nhập khác là 1.163 triệu đồng, đồng thời ghi nhận chi phí thuê đất năm 2013 bằng 50% so với thông báo tiền thuê đất của Chi cục thuế huyện Đông Anh là 598 triệu đồng. Năm 2014, theo Thông báo tiền thuê đất phải nộp của Chi cục thuế huyện Đông Anh, Công ty đã được tạm giảm tiền thuê đất các năm 2011;2012 và 2013 nêu trên với tổng số tiền là 1.761 triệu đồng. Công ty sẽ làm thủ tục quyết toán chi phí thuê đất được giảm sau khi hoàn thành hồ sơ pháp lý về đất đai với Chi cục thuế huyện Đông Anh.

****

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 29, đến thời điểm 31/12/2013, Công ty đã thực hiện trích bổ sung khấu hao giá trị lợi thế thương mại theo hướng dẫn của Thông tư 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012. Theo đó, chi phí khấu hao tài sản cố định vô hình được hạch toán bổ sung vào chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2012 là 735,7 triệu đồng, năm 2013 là 514,3 triệu đồng. Do vậy, một số chỉ tiêu của Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013 đã được phân loại lại cho phù hợp, cụ thể như sau:



|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |

**V. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là đảm bảo quyền lợi hợp pháp và chính đáng của cổ đông. Mọi hoạt động của HĐQT, BKS đều tuân theo quy định tại Điều lệ Công ty và kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị Công ty gồm có bốn người, trong đó: có hai thành viên không trực tiếp điều hành. Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý của Công ty được thực hiện nghiêm túc, khách quan và hiệu quả. Hội đồng quản trị họp định kỳ mỗi quý một lần và đột xuất khi cần thiết để cập nhật, nhận định tình hình thực tế và đưa ra phương thức chỉ đạo phù hợp đối với ban giám đốc trong công tác điều hành Công ty.

Ban kiểm soát Công ty hiện nay gồm ba người . Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty được thực hiện nghiêm túc, khách quan và minh bạch.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng vai trò, chức năng và quyền hạn của mình theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội cổ đông.

\* Mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2014 : ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 quyết định

\* Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội đồng quản trị:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
| 1 | Nguyễn Quý Tuấn | Chủ tịch hội đồng quản trị | 0 | 0 |
| 2 | Đỗ Hữu Thuyết | Uỷ viên Hội đồng quản trị | 0 | 0 |
| 3 | Hoàng Kim Bồng | Uỷ viên Hội đồng quản trị | 0 | 0 |
| 4 | Vũ Thị Bích Phượng | Uỷ viên Hội đồng quản trị | 804 | 0,08% |
| **Tæng céng:** | |  | **804** | **0,08%** |

\* Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban kiểm soát :

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
| 1 | Trần Thị Minh Loan | Trưởng ban kiểm soát | 0 | 0 |
| 2 | Dương Văn Tuyến | Uỷ viên ban kiểm soát | 0 | 0 |
| 3 | Vương Văn Cẩn | Uỷ viên ban kiểm soát | 3.691 | 0,37% |
| **Tæng céng:** | |  | **3.691** | **0,37%** |

\*Thông tin về giao dịch cổ phiếu DAC của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc Công ty trong năm 2014 như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung | Số lượng mua  (cổ phiếu) | Số lượng bán (cổ phiếu) | Ghi chú |
| 1 | HĐQT, Ban giám đốc | Không | Không |  |
| 2 | Ban kiểm soát | Không | Không |  |
|  | **Tổng** |  |  |  |

**2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông của Công ty (08/03/2014)**

*(Theo danh sách chốt ngày 08/3/2014 )*

*2.1. Cơ cấu*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Trong nước**  *(cổ phiếu)* | **Nước ngoài**  *(cổ phiếu)* | **Tổng**  *(cổ phiếu)* | **Tỷ lệ** (%) |
| 1 | Cá nhân | 213.632 | 53.768 | **267.400** | 26,61 |
| 2 | Tổ chức | 736.374 | 1.200 | **737.574** | 73,39 |
|  | **Tổng** | **950.006** | **54.968** | **1.004.974** |  |
|  | **Tỷ lệ** (%) | **94,53** | **5,47** |  | **100** |

